CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

FireAnt

Ngày 31/12/2025	9,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.2%	**-2.9%**	**10.0%**

ROE (2025): 8.8% | +/- YoY ▲ 6.1%

DT thuần (*Q4/25*): 476 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 52.0 ▲ 12.3% | YoY ▲ 121 ▲ 34.1%

DT thuần (*2025*): 1,621 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 564 ▲ 53.4%

LN gộp (*Q4/25*): 39.0 *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 0.40 ▼ 0.9% | YoY ▲ 8.50 ▲ 28.0%

LN gộp (*2025*): 142 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 42.1 ▲ 42.0%

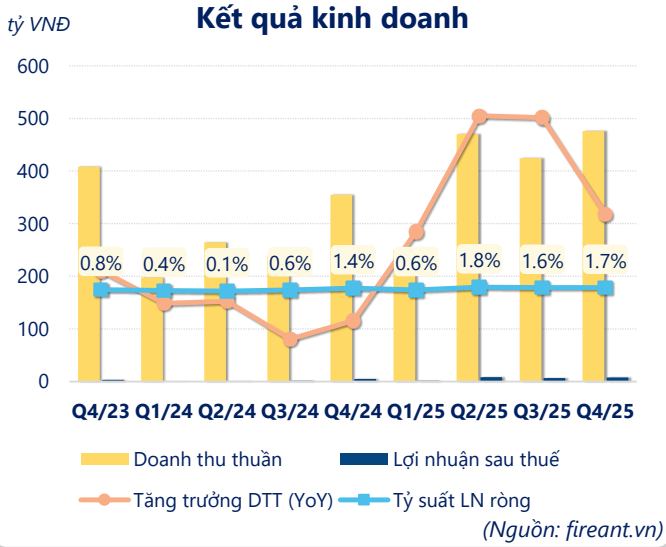
LN thuần (*Q4/25*): 9.14 *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 2.56 ▼ 21.8% | YoY ▲ 1.93 ▲ 26.8%

LN thuần (*2025*): 31.2 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 21.4 ▲ 220%

LN sau thuế (*Q4/25*): 7.88 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 0.95 ▲ 13.8% | YoY ▲ 2.90 ▲ 58.3%

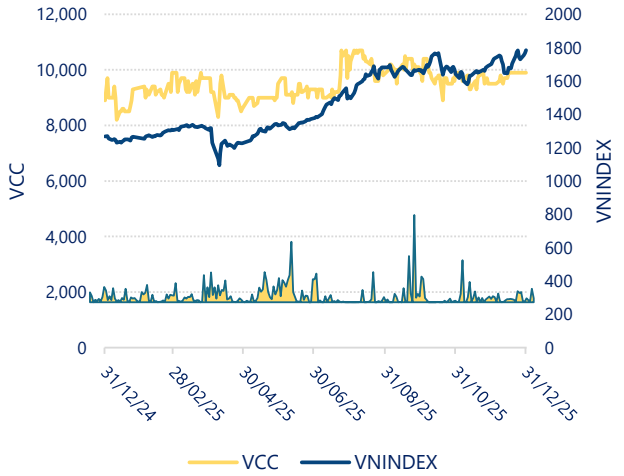
LN sau thuế (*2025*): 25.0 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 17.5 ▲ 235%

Kết quả kinh doanh



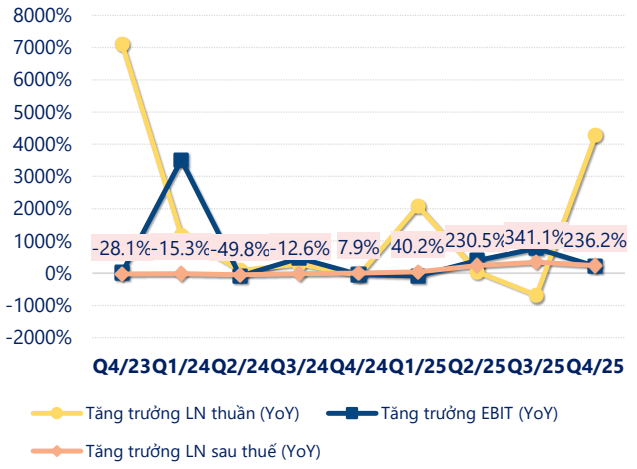
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



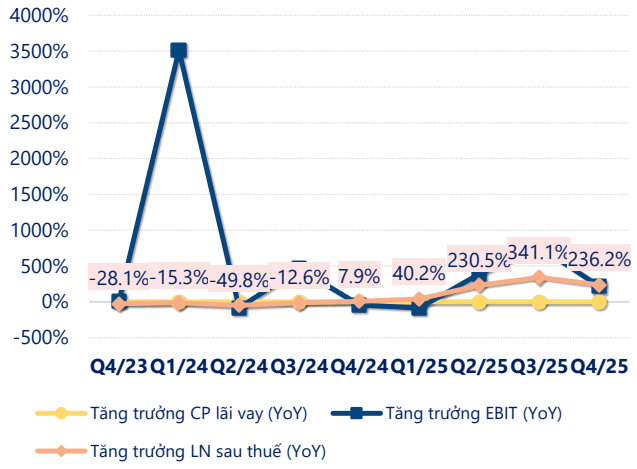
CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

Tăng trưởng lợi nhuận



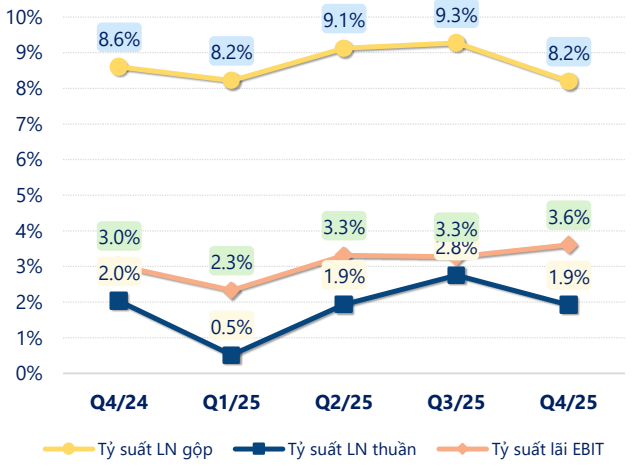
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



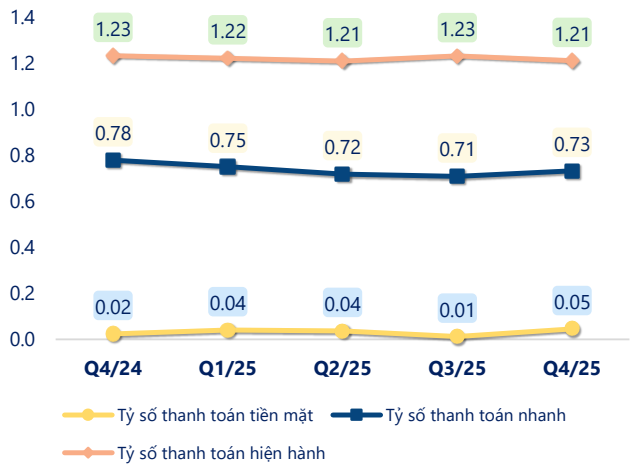
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



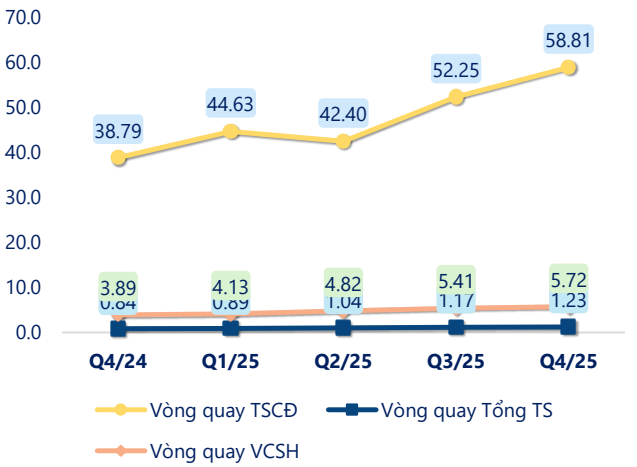
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



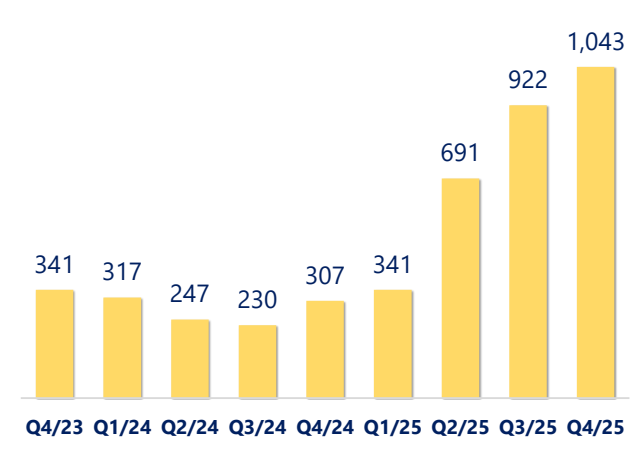
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

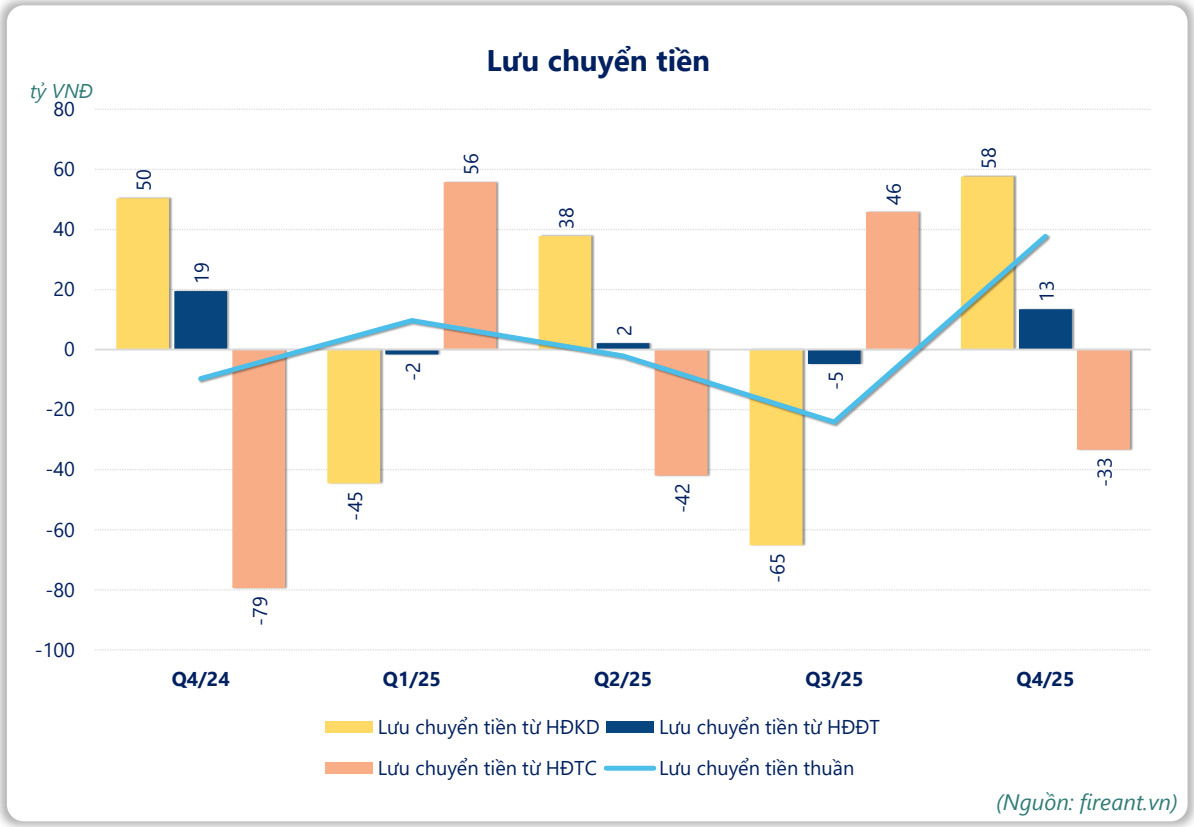


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**476**	**355**	**34.1%**	**1,621**	**1,057**	**53.4%**
Giá vốn hàng bán	437	324	34.9%	1,479	957	54.5%
Lợi nhuận gộp	39.0	30.5	28.0%	142	99.9	42.0%
Doanh thu HĐTC	1.03	3.05	-66.2%	3.11	5.90	-47.4%
Chi phí TC	4.11	4.21	-2.5%	17.2	17.2	-0.3%
Chi phí lãi vay	4.11	4.21	-2.5%	17.2	17.2	-0.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	10.1	11.0	-8.5%	46.1	44.1	4.6%
Chi phí QLDN	**16.8**	**11.2**	**49.6%**	**50.5**	**34.8**	**45.2%**
LN thuần từ HĐKD	9.14	7.21	26.8%	31.2	9.77	220%
Lợi nhuận khác	**3.93**	**-0.69**	**670%**	**4.08**	**0.78**	**422%**
LN trước thuế	13.1	6.52	101%	35.3	10.5	235%
Lợi nhuận sau thuế	**7.88**	**4.98**	**58.3%**	**25.0**	**7.47**	**235%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.88**	**4.98**	**58.3%**	**25.0**	**7.47**	**235%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)